

CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA VIỆC XÂY DỰNG CHUẨN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

PGS.TS. ĐỖ TIẾN ĐẠT VÀ NHÓM NGHIÊN CỨU*
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Để chuẩn bị cho Đề án “Xây dựng Chương trình, Sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015”, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao Viện KHGD Việt Nam tổ chức nghiên cứu những vấn đề chung về giáo dục phổ thông (GDPT) trong đó có nhiệm vụ nghiên cứu: “Cơ sở khoa học của việc xây dựng chuẩn GDPT Việt Nam (đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình GDPT sau 2015)” - Mã số: B2011- 37 - 08NV do PGS. TS. Đỗ Tiến Đạt làm chủ nhiệm.

Trên cơ sở xác định:

1. Quan niệm, vai trò, vị trí, chức năng của Chuẩn GDPT; Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn VN về xây dựng Chuẩn GDPT;

2. Bối cảnh và tác động đối với GDPT của sự phát triển kinh tế, xã hội và hội nhập quốc tế; Định hướng đổi mới CT, SGK GDPT sau 2015;

3. Đặc điểm nhân cách và nhu cầu học tập của HS Việt Nam ngày nay; Vấn đề năng lực và phát triển năng lực người học; Học vấn phổ thông và hạt nhân nội dung học vấn phổ thông.

Nhóm nghiên cứu đã đề xuất cụ thể về:

1. Mục tiêu GDPT và mục tiêu từng cấp học sau năm 2015;

2. Chuẩn giáo dục các cấp học: Tiểu học; THCS; THPT;

Trong bài báo này, chúng tôi xin trình bày tóm tắt một số kết quả nghiên cứu đã đạt được.

1. Quan niệm, vai trò, vị trí, chức năng của Chuẩn GDPT

Chuẩn GDPT được hiểu là sự cụ thể hóa mục tiêu GDPT, là kết quả đầu ra mong đợi của GDPT. Đó là sự cụ thể hóa những phẩm chất và năng lực cá nhân (mô hình nhân cách) mà xã hội và nhà trường mong muốn hình thành và phát triển ở người học thông qua quá trình GD.

Việc xác định Chuẩn GDPT đòi hỏi phải hình dung được “chân dung” một HS khi rời nhà trường PT. Đó chính là những con người phát triển hài hòa về nhân cách trên nền tảng sở hữu một hệ thống tri thức, kĩ năng tương đối hoàn chỉnh ở trình độ phổ thông, gắn kết chặt chẽ với việc hình thành và phát

triển những năng lực chung và năng lực chuyên biệt để họ vừa trở thành những công dân hữu ích cho xã hội, vừa có thể tiếp tục phát triển trong tương lai.

Chuẩn GDPT không chỉ phản ánh được những yêu cầu, mong muốn của quốc gia, của gia đình và xã hội mà còn phải thể hiện nhu cầu, nguyện vọng của cá nhân người học.

Chuẩn GDPT là cơ sở: +) Xác định nội dung tối thiểu bắt buộc của CT GDPT; Chuẩn hóa “tài học”, thời gian học tiêu chuẩn, bảo đảm tính vừa sức của tài liệu học tập. +) Soạn thảo CT các cấp học từ Tiểu học đến THPT, soạn thảo CT các môn học. +) Xác định yêu cầu cơ bản về điều kiện bảo đảm quá trình GD (cơ sở vật chất, phương tiện dạy học, đội ngũ cán bộ, giáo viên...). +) Bảo đảm tính thống nhất trong toàn quốc, đồng thời có tính đến đặc điểm của từng vùng miền, trong điều kiện đa dạng hóa các kiểu hình trường lớp.+) Xây dựng cơ sở đánh giá kết quả học tập của HS và đánh giá kết quả lao động của GV dựa trên kết quả học tập của HS đối chiếu với Chuẩn. +) Đánh giá khách quan trình độ giáo dục, đào tạo của các cơ sở GD.

2. Kinh nghiệm qua các thời kì cải cách GD và đổi mới CT GDPT của Việt Nam

Hai giai đoạn CCGD 1950 và 1956 đều chưa nêu khái niệm về “Chuẩn”. Sau năm 1975, mục tiêu của các cấp học được chú ý cụ thể hóa và diễn đạt dưới dạng các yêu cầu về *kiến thức (KT)*, *kĩ năng (KN)* và *thái độ* cho 5 nội dung: Thế giới quan, tư tưởng, chính trị, pháp luật, đạo đức và cư xử; Văn hóa khoa học; Lao động, kĩ thuật tổng hợp, hướng nghiệp (riêng với cấp III có bổ sung chuẩn bị nghề và dạy nghề); Thể chất, vệ sinh, quốc phòng; Thẩm mỹ.

Từ năm 2006, Chuẩn KT, KN được chính thức đưa thành một bộ phận của CT GDPT hiện hành. *Chuẩn KT, KN và yêu cầu về thái độ* trong chương trình GDPT hiện hành được hiểu là “các yêu cầu cơ bản, tối thiểu về KT, KN của môn học, hoạt động giáo dục mà HS cần phải và có thể đạt được”.

Trong CT của mỗi cấp học Chuẩn KT, KN và yêu cầu về thái độ được cụ thể hóa ở các chủ đề của môn học theo từng lớp và các lĩnh vực học tập. Yêu cầu về thái độ được xác định cho cả cấp học.

Nhận thức về chuẩn được làm sáng tỏ dần trong cả một quá trình dài, từ quan niệm chuẩn như là những yêu cầu chung khi xây dựng và phát triển chương trình cho đến cách hiểu xây dựng chuẩn là

* PGS. TS. Đỗ Tiến Đạt, GS. TS. Đinh Quang Báo, GS. TS. Nguyễn Hữu Châu, PGS.TS. Trần Kiều, Nguyễn Quang Kính, PGS. TS. Vũ Trọng Rỹ, TSKH. Phạm Đỗ Nhật Tiến, PGS. TS. Nguyễn Đức Trí, TS. Lương Việt Thái, TS. Trần Hiến Lương, TS. Nguyễn Hồng Vân, ThS. Nguyễn Thanh Trinh.

cụ thể hóa hoặc tiêu chí hóa mục tiêu, hoặc chuẩn là kiến thức, kĩ năng và thái độ đối với từng môn học và hoạt động.

3. Kinh nghiệm quốc tế

Chuẩn GD luôn tồn tại dưới các hình thức khác nhau, chủ yếu thể hiện dưới dạng các yêu cầu của quốc gia đối với nội dung giáo dục. Thuật ngữ “Chuẩn GDPT” (school education standard) không được sử dụng một cách thường xuyên trong các tài liệu của các nước. Thông thường để biểu đạt “yêu cầu về kết quả cần đạt của HS”, người ta sử dụng các thuật ngữ khác nhau. Ví dụ, nước Mỹ diễn đạt là “performance standard” (chuẩn thực hiện), nước Anh gọi là “attainment targets”, nước Úc gọi là “learning outcome” (chuẩn kết quả đầu ra), còn nước Nga là Chuẩn GDPT (стандарт общего образования).

Ở đây, chúng tôi xin nhấn mạnh kinh nghiệm của Úc và LB Nga.

Đối với Úc: Chương trình quốc gia GDPT xác định 7 năng lực chung, 8 lĩnh vực học tập và 3 ưu tiên xuyên môn.

- 7 năng lực chung bao gồm: Đọc hiểu (Literacy); Làm toán (Numeracy); Công nghệ thông tin và truyền thông (ICT); Tư duy phê phán và sáng tạo; Năng lực cá nhân và xã hội; Hành vi đạo đức; Hiểu biết đa văn hóa.

- 8 lĩnh vực học tập cụ thể là: Tiếng Anh; Toán; Khoa học; KHXH & NV; Nghệ thuật; Ngôn ngữ; GD sức khỏe và thể chất; Công nghệ.

- 3 ưu tiên xuyên môn bao gồm: Sắc tộc và hòa nhập; Châu Á và vai trò của nước Úc; Giáo dục vì sự phát triển bền vững.

Ở LB Nga, Chuẩn GDPT Nga được xây dựng theo 3 nhánh:

- Phẩm chất nhân cách bao gồm: KN năng xã hội, phẩm chất cá nhân, hình thành nền tảng của phẩm chất người công dân;

- Siêu môn (metapredmet) bao gồm: Các hành động học tập phổ quát (nhận thức, điều chỉnh và giao tiếp) mà người học lĩnh hội để đảm bảo hình thành cơ sở kĩ năng học tập và các khái niệm liên môn;

- Môn học (predmet) bao gồm: Kinh nghiệm mà HS thu nhận được trong quá trình nghiên cứu một

TT	Tên nước	Chuẩn
1	Hoa Kỳ	Mỗi bang đều xây dựng Chuẩn các môn học riêng của bang mình, do các tổ chức chuyên nghiệp (như Hiệp hội các GV bộ môn) xây dựng. Từ năm 2009, đã tiến hành xây dựng chuẩn liên bang chung cho các môn học, gọi là “Common Core State Standards”.
2	Canada	Xây dựng bộ Kết quả mong đợi đối với người học (Learner expectations) và được nêu trong mỗi chương trình học (the programmes of study - PoS) .
3	LB Nga	Xây dựng Chuẩn quốc gia về GDPT (стандарт общего образования) và chuẩn theo từng cấp học.
4	Úc	Xây dựng Chuẩn thành tích học tập (Achievement Standards) đối với mỗi lĩnh vực học tập/môn học áp dụng từ lớp vỡ lòng (5 tuổi) đến lớp 10 (16 tuổi). Riêng các bang đều xây dựng Chuẩn học tập tối thiểu của bang, ví dụ: Chuẩn học tập tối thiểu của bang Victoria (Victoria Essential Learning Standards - VELS) .
5	VQ Anh	Nói đến Chuẩn là nói đến những kĩ năng then chốt (core skills) mà HS cần có; nói đến những kiến thức cho phép HS đưa ra quyết định hoặc làm phong phú thêm kinh nghiệm hoạt động cá nhân trong một thế giới đa dạng và luôn thay đổi.
6	Singapo	Nêu cả quan niệm về kết quả học tập (learning outcomes) có trong chương trình môn học (subject syllabuses) và kết quả mong muốn của giáo dục (desired outcomes of education - DoE) .
7	Niu Di-lân	Xây dựng bộ Chuẩn quốc gia (National Standards) áp dụng cho những HS cấp Tiểu học từ lớp 1 đến lớp 8 với những kì vọng HS cần phải đáp ứng về đọc, viết, và toán học trong tám năm đầu tiên ở trường.
8	Trung Quốc	Chuẩn CT là văn bản pháp lí của Nhà nước quy định cụ thể về kết quả cần đạt được sau khi HS tiếp thu giáo dục ở một giai đoạn nhất định. Chuẩn CT là cơ sở để nhà nước quản lí và đánh giá CT, là căn cứ để biên soạn tài liệu dạy học, đánh giá, ra đề thi.

Bảng 1: Thông tin về Chuẩn từ một số nước

môn học cụ thể có tính chuyên biệt đối với một lĩnh vực hoạt động, cũng như một hệ thống các yếu tố tri thức có tính nền tảng của kiến thức khoa học, là cơ sở tạo nên hình ảnh về thế giới quan khoa học hiện đại.

4. Bối cảnh và Định hướng đổi mới CT, SGK GDPT sau 2015

GDPT nước ta trong tương lai phải là một hệ thống giáo dục mở và là nền tảng của GD suốt đời. GD phải phục vụ đắc lực cho yêu cầu phát triển bền vững. Mô hình ứng thí hiện nay sẽ thay bằng mô hình “làm phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em”. Vì vậy, theo tinh thần của Dự thảo Đề án “Xây dựng Chương trình, Sách giáo khoa GDPT sau năm 2015”, CT và SGK sau 2015 được xây dựng theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học, nghĩa là tập trung vào xây dựng và hoàn thiện nhân cách (phẩm chất, năng lực) con người VN đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển của đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đồng thời, cần chú trọng đẩy mạnh đổi mới PP, đổi mới đánh giá kết quả giáo dục theo hướng phát triển NL cho học sinh; Cấu trúc, nội dung CT và SGK phải chuẩn hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, đảm bảo tính chính thể, linh hoạt, thống nhất, khả thi; Quản lý việc xây dựng và thực hiện chương trình đảm bảo linh hoạt phù hợp đối tượng và vùng miền.

5. Một số đặc điểm về nhân cách và nhu cầu học tập của HS Việt Nam ngày nay

5.1. Cấu trúc nhân cách của HS Việt Nam

Có thể nêu ra một số quan niệm về mô hình nhân cách. Tuy nhiên, quan niệm cấu trúc nhân cách bao gồm hai mặt được sắp xếp thành một thể thống nhất là “đức và tài”, hay “phẩm chất và năng lực” được các nhà GD chấp nhận vì mô hình này sát hợp với thực tiễn, và trên thực tế, đang chi phối, chỉ đạo các hoạt động GD ở Việt Nam.

a) Về phẩm chất của HS Việt Nam (VN), có thể xem xét trên các phương diện (Tạ Ngọc Thanh, 2010):
 - Phẩm chất xã hội (hay đạo đức-chính trị): thế giới quan, niềm tin, lí tưởng, lập trường, thái độ chính trị, thái độ lao động...

- Phẩm chất cá nhân (hay đạo đức tư cách): các nét, các thói, các “thứ” (ham muốn).
 - Phẩm chất ý chí: tính kỉ luật, tính tự chủ, tính mục đích, tính quả quyết, tính phê phán...
 - Cung cách ứng xử: tác phong, lễ tiết, tính khí...

b) Về năng lực

NL được định nghĩa theo rất nhiều cách khác nhau với sự lựa chọn dạng loại dấu hiệu khác nhau. Hiện nay, nhiều nhà khoa học thống nhất quan niệm: “NL là sự kết hợp một cách linh hoạt và có tổ chức các kiến thức, kĩ năng với thái độ, tình cảm, giá trị, động cơ

ca nhân,... nhằm đáp ứng hiệu quả một yêu cầu phức hợp của hoạt động trong bối cảnh nhất định” (Lương Việt Thái, 2011).

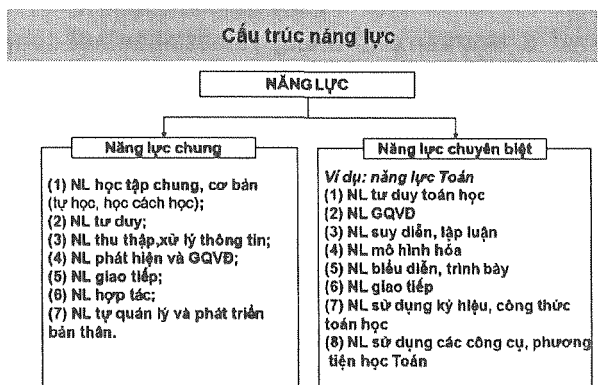
Nội hàm của khái niệm này là khả năng thực hiện, là phải “biết làm” (know-how), biết giải quyết vấn đề đặt ra trong cuộc sống và trong học tập, chứ không chỉ “biết gì” (know-what). Tuy nhiên, phải biết, phải hiểu cộng thêm ý thức và thái độ mới biết hành động có hiệu quả.

Phát triển NL cần dựa trên cơ sở phát triển các thành phần (kiến thức, kĩ năng, thái độ,...), trong đó phải được “thực hành”, huy động tổng hợp các thành phần trong các tình huống đa dạng, từ đó NL được hình thành, phát triển. Phát triển NL ở đây được hiểu là phát triển NL hành động.

Nhiều nghiên cứu thống nhất phân chia thành nhóm các NL chung và nhóm các NL chuyên biệt.

NL chung - cơ bản là những NL cần thiết để mọi cá nhân có thể tham gia hiệu quả trong nhiều hoạt động và các bối cảnh khác nhau của đời sống xã hội: trong cuộc sống, trong học tập, trong hoạt động nghề nghiệp. Trong hoạt động học tập, các NL chung cần cho học tập nhiều môn học và được phát triển qua nhiều môn học.

Năng lực chuyên biệt (ví dụ: NL toán học, âm nhạc, thể thao, kinh doanh) là những NL cần thiết cho các loại hình hoạt động chuyên biệt hoặc cần thiết ở một số tình huống nhất định. Trong hoạt động học tập, các NL chuyên biệt được hình thành, phát triển thông qua các môn học, các hoạt động giáo dục. Các NL chuyên biệt không thể thay thế các NL chung. Sự phát triển các NL chung và NL chuyên biệt là gắn kết với nhau.



Hình 1: Quan niệm về NL chung và NL chuyên biệt

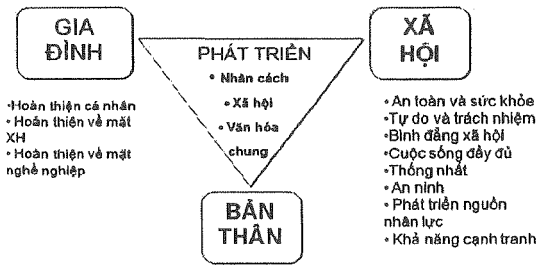
5.2. Một số đặc điểm tâm sinh lí và nhu cầu học tập của HS VN ngày nay

Nhìn chung, HS VN hiện nay phát triển hơn đáng kể so với thế hệ cùng trang lứa cách đây vài chục năm về các mặt sinh lí, tâm lí và xã hội. Tuy nhiên, thể lực HS VN chưa ổn định và một số bệnh

học đường ở HS có chiều hướng gia tăng. Các chỉ số IQ, CQ, EQ tăng không đồng đều theo lứa tuổi, trong đó CQ ở HS Việt Nam là thấp nhất và thuộc loại trung bình yếu trên thế giới; IQ trung bình của HS Việt Nam đạt mức trung bình chuẩn của thế giới. Đa số HS có hứng thú học tập, nhưng hứng thú chưa bền vững, và chủ yếu vẫn dừng lại ở hứng thú học tập gián tiếp.

Các phân tích về đặc điểm nhân cách, tâm, sinh lí và nhu cầu học tập của HS cho thấy khi xây dựng Chuẩn GDPT cần tính đến không chỉ nhu cầu của quốc gia mà còn phải xem xét nhu cầu của cá nhân người học, của gia đình và của xã hội. Nghĩa là, Chuẩn không chỉ được nhìn nhận như yêu cầu của quốc gia đối với HS (kết quả GD) mà quan trọng là quốc gia, nhà trường quan tâm nhìn nhận nhu cầu và quyền lợi học tập của HS. Quốc gia yêu cầu công dân phải đạt đến một chuẩn trình độ học vấn xác định và bảo đảm những điều kiện cần thiết để họ đạt được trình độ này.

Nhu cầu của cá nhân người học, của gia đình, của XH định hướng xây dựng Chuẩn



Hình 2: Các yêu cầu về chuẩn

6. Học vấn phổ thông và hạt nhân nội dung học vấn phổ thông

6.1. Học vấn phổ thông phải phản ánh được những giá trị cơ bản của dân tộc, của đất nước; hệ thống những tri thức khoa học bao gồm các kiến thức, kĩ năng nền tảng cho việc hình thành và phát triển ở HS các NL về ngôn ngữ, toán, khoa học và công nghệ, văn hóa và xã hội nhân văn; đồng thời hình thành các NL xã hội và NL sáng tạo ở HS.

Tuy nhiên, nhà trường không thể đáp ứng tất cả mọi nhu cầu của cá nhân người học, của gia đình và xã hội, nhà trường chỉ có thể cung cấp cho người học hạt nhân cốt lõi của học vấn phổ thông. Hạt nhân của nội dung HVPT là cơ sở để cụ thể hóa những yêu cầu khái quát đối với cấu trúc của một CT GD, cụ thể hóa những kết quả GD tương thích với nội dung CT học và đối với việc tổ chức hoạt động học tập; là cơ sở để xây dựng CT, kế hoạch học tập, tài liệu hướng dẫn và SGK.

6.2. Các lĩnh vực học tập cốt lõi trong nội dung học vấn phổ thông

Nhìn chung, các nhà khoa học thống nhất nêu lên 8 lĩnh vực học tập cốt lõi : (1) Ngôn ngữ (Tiếng Việt - Ngoại ngữ); (2) Toán; (3) Khoa học tự nhiên; (4) Khoa học xã hội và nhân văn; (5) Công nghệ; (6) Nghệ thuật ; (7) Đạo đức - GD công dân; (8) GD Thể chất.

7. Đề xuất Mục tiêu GDPT sau 2015

7.1. Sứ mạng và mục tiêu của GDPT

GD có sứ mạng rèn đúc các thế hệ và đổi mới cả dân tộc (nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài) đồng thời phát triển nhân cách cho mỗi cá nhân. Như vậy, sứ mạng của GD là *phát triển nhân cách cho mỗi cá nhân, phát triển vốn con người cho đất nước và tập trung ở GDPT, lưu giữ và làm giàu bản sắc dân tộc trong các thế hệ tiếp nối.*

Mục tiêu GD là trạng thái tương lai của hệ thống GD được xác định bằng các tiêu chí/ chỉ tiêu về quy mô, chất lượng, hiệu quả ở thời điểm kết thúc một dự án/ kế hoạch phát triển; hoặc *Mục tiêu GD* là tập hợp những phẩm chất và năng lực cá nhân (mô hình nhân cách) mà xã hội và nhà trường mong muốn hình thành và phát triển ở đối tượng bằng việc thực hiện quy trình GD.

7.2. Đề xuất Mục tiêu GDPT sau 2015

Mục tiêu GDPT là đào tạo ra những thanh niên phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần; có phẩm chất và NL theo chuẩn mực về giá trị của XH; trong đó những phẩm chất/giá trị cần nhấn mạnh là nhân ái, trung thực và tự chủ; trọng danh dự, phẩm giá của mình và của người khác; có trách nhiệm và tự giác thực hiện bốn phận đối với gia đình, tập thể, cộng đồng và đất nước. Những NL cần nhấn mạnh là: các NL chung cần thiết trong cuộc sống (sáng tạo, hợp tác, tự học, phát hiện và giải quyết vấn đề,...) và các NL chuyên biệt (liên thuộc chặt chẽ với các lĩnh vực học tập)

Các phẩm chất và NL trên cần được hình thành và phát triển trên nền tảng kiến thức, kĩ năng phổ thông cơ bản đảm bảo cho sự phát triển hoàn toàn những tiềm năng sẵn có của mỗi cá nhân; làm căn cứ cho việc lựa chọn nghề nghiệp.

Với GD Tiểu học: *Mục tiêu* đào tạo là HS được phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần; có thái độ và kĩ năng ứng xử phù hợp với vị thế ở gia đình, nhà trường và trong cộng đồng/XH; biết phân biệt hành động đúng, sai; thật thà, thân ái và mạnh dạn trong giao tiếp; được phát triển về NL nghe, nói, đọc, viết và tính toán để có thể ứng dụng thành thạo trong sinh hoạt hằng ngày; có những hiểu biết ban đầu về con người, XH và tự nhiên; bước đầu biết cách tự học; biết giữ gìn vệ sinh và rèn luyện thân thể; làm quen với lao

động và yêu thích lao động; bước đầu được phát triển những tiềm năng sẵn có.

Với GD THCS: Mục tiêu đào tạo là HS tiếp tục được phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần trên cơ sở duy trì và củng cố các phẩm chất và NL đã hình thành ở cấp tiểu học, có đức tính nhân ái, trung thực và tự chủ; biết trọng danh dự, phẩm giá của mình và của người khác; có ý thức trách nhiệm và tự giác thực hiện bốn phận đối với gia đình, tập thể, cộng đồng và đất nước theo yêu cầu phù hợp với lứa tuổi; có hệ thống kiến thức phổ thông cơ bản tương đối hoàn chỉnh cần thiết cho mỗi người sống trong XH hiện đại; có các kĩ năng giao tiếp, học tập, lao động và ứng dụng được trong cuộc sống hằng ngày; có những hiểu biết ban đầu về kĩ thuật và hướng nghiệp; bước đầu phát triển các năng khiếu và sở thích riêng.

Với GD THPT: Mục tiêu đào tạo là HS tiếp tục được phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần trên cơ sở duy trì và củng cố các phẩm chất và NL đã hình thành ở THCS; là những thanh niên có phẩm chất và năng lực theo chuẩn mực về giá trị của xã hội; có đức tính nhân ái, trung thực và tự chủ; biết trọng danh dự, phẩm giá của mình và của người khác; có trách nhiệm và tự giác thực hiện bốn phận đối với gia đình, tập thể, cộng đồng và đất nước; có hệ thống kiến thức phổ thông cơ bản được định hướng theo lĩnh vực nghề nghiệp phù hợp với năng khiếu và sở thích mà HS tự chọn; được phát triển các kĩ năng chủ yếu để tiếp tục học lên hoặc bước vào cuộc sống lao động; được phát triển tối đa những tiềm năng sẵn có.

8. Đề xuất Chuẩn GDPT sau 2015

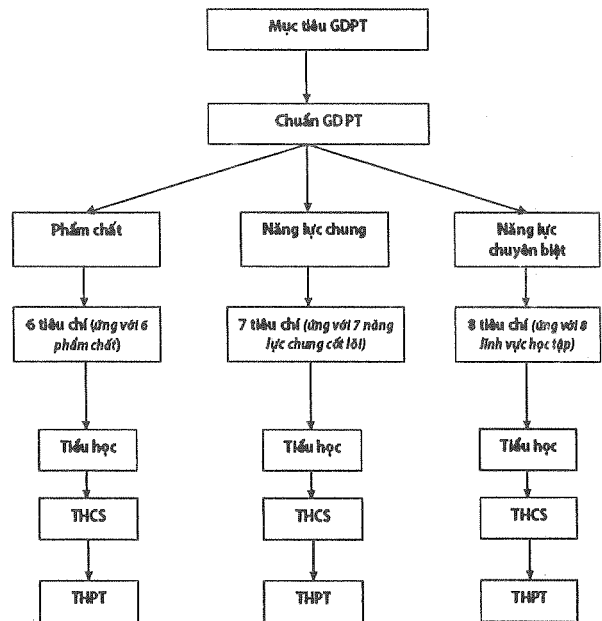
Việc xác định Chuẩn GDPT đòi hỏi phải nêu lên được những yếu tố cụ thể, cần thiết, những biểu hiện có thể quan sát về phẩm chất và NL của HS phổ thông sau các giai đoạn học tập. Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu và tham khảo kinh nghiệm quốc tế, chúng tôi bước đầu đề xuất Chuẩn GDPT sau 2015, thể hiện trên ba phương diện: phẩm chất; năng lực chung; năng lực chuyên biệt. Cụ thể:

1. Phẩm chất: GDPT hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất đạo đức cốt lõi, những hành vi ứng xử phù hợp và ý thức pháp luật công dân, được thể hiện ở những tiêu chí sau: (1) Yêu gia đình, quê hương, đất nước; (2) Nhân ái, khoan dung, quan hệ thân thiện với con người và môi trường tự nhiên; (3) Trung thực trong học tập và trong các mối quan hệ; (4) Có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội; (5) Tự chủ, tự tin và có tinh thần vượt khó; (6) Chấp hành pháp luật, nội quy, quy định nơi công cộng.

2. Năng lực chung: GDPT hình thành và phát triển ở HS những NL chung cốt lõi, cần thiết cho mỗi

con người trong học tập và trong cuộc sống, bao gồm: (1) NL học tập chung, cơ bản (tự học, học cách học); (2) NL tư duy; (3) NL thu thập (tìm kiếm, tổ chức), xử lí thông tin; (4) NL phát hiện và giải quyết vấn đề; (5) NL giao tiếp; (6) NL hợp tác; (7) NL tự quản lí và phát triển bản thân.

3. Năng lực chuyên biệt được hình thành, phát triển thông qua các lĩnh vực học tập: (1) Ngôn ngữ (Tiếng Việt - Ngoại ngữ); (2) Toán ; (3) Khoa học tự nhiên; (4) Khoa học xã hội và nhân văn; (5) Công nghệ; (6) Nghệ thuật ; (7) Đạo đức – GD công dân; (8) GD Thể chất.



Sơ đồ 1: Cấu trúc Mục tiêu và Chuẩn GDPT

9. Ví dụ với môn Toán

Dưới đây là một ví dụ minh họa phác thảo bước đầu về việc xây dựng Chuẩn GDPT môn Toán.

9.1. Các NL cần hình thành và phát triển cho người học qua dạy học môn Toán trong nhà trường phổ thông

Một số NL chủ yếu cần được hình thành và phát triển cho HS khi học toán trong mối quan hệ chặt chẽ với những NL chung và phản ánh đặc thù của môn Toán;

(1) NL tư duy với các thao tác chủ yếu như: phân tích và tổng hợp, so sánh, trừu tượng hóa, khái quát hóa..., đặc biệt lưu ý đến NL tư duy logic trong suy diễn, lập luận; đồng thời không coi nhẹ tư duy phê phán, sáng tạo, cũng như các yếu tố dự đoán, tìm tòi, kể cả trực giác toán học, tưởng tượng không gian;

(2) NL giải quyết vấn đề. Đây là một trong những NL mà môn Toán có nhiều thuận lợi để phát triển cho người học qua việc tiếp nhận khái niệm, chứng minh các mệnh đề toán học và đặc biệt là qua giải toán;



(3) NL mô hình hóa toán học từ các tình huống thực tiễn giả định hoặc tình huống thực trong cuộc sống. Đây là NL cần phải được quan tâm nhiều hơn nữa trong các trường phổ thông ở nước ta;

(4) NL giao tiếp (qua nói hoặc viết) liên quan tới việc sử dụng có hiệu quả ngôn ngữ toán học (chữ, kí hiệu, biểu đồ, đồ thị, các liên kết logic...) kết hợp với ngôn ngữ thông thường. NL này được thể hiện qua việc hiểu các văn bản toán học, đặt câu hỏi, trả lời câu hỏi, lập luận khi chứng minh sự đúng đắn của các mệnh đề, khi giải toán...

(5) NL sử dụng các công cụ, phương tiện học toán (bao gồm các phương tiện thông thường, đặc biệt là phương tiện gắn chặt với việc sử dụng công nghệ thông tin);

(6) NL tự học toán với phương pháp phù hợp, đồng thời hợp tác được với người khác một cách hiệu quả trong quá trình học tập toán.

9.2. Mục tiêu của môn Toán

Hoạt động dạy và học toán ở trường phổ thông Việt Nam nhằm giúp HS:

- Có những kiến thức và kĩ năng toán học cơ bản, phổ thông, làm nền tảng cho việc phát triển các NL chung cũng như năng lực chuyên biệt (đối với môn Toán);

- Hình thành và phát triển NL tư duy (tư duy logic, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo, khả năng suy diễn, lập luận toán học). Phát triển trí tưởng tượng không gian, trực giác toán học;

- Sử dụng được các kiến thức đã học để tiếp tục học toán, để hỗ trợ việc học tập các bộ môn khác, đồng thời giải thích, giải quyết một số hiện tượng, tình huống xảy ra trong thực tiễn (phù hợp với trình độ). Qua đó phát triển NL giải quyết vấn đề, NL mô hình hóa toán học;

- Phát triển vốn ngôn ngữ (ngôn ngữ toán và ngôn ngữ thông thường trong mối quan hệ chặt chẽ với nhau) trong giao tiếp và giao tiếp có hiệu quả;

- Góp phần cùng với các bộ môn khác hình thành thế giới quan khoa học, hiểu được nguồn gốc thực tiễn và khả năng ứng dụng rộng rãi của toán học trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Biết cách làm việc có kế hoạch, cẩn thận, chính xác, có thói quen tò mò, thích tìm hiểu, khám phá; biết cách học độc lập với phương pháp thích hợp cùng những kĩ năng cần thiết trong sự hợp tác có hiệu quả với người khác.

9.3. Xác định các nội dung cơ bản trong Chương trình toán phổ thông của VN sau 2015

(1) Số và Đại số: Xây dựng hệ thống số (cho đến trường số thực R) và các phép tính trên từng tập hợp số; Tỉ số phần trăm và ứng dụng tỉ số phần trăm trong thực tiễn; Biểu thức và biến đổi biểu thức; Phương trình và hệ phương trình; Hàm số.

(2) Đo lường và Hình học: Hình thành các đơn vị đo; Giới thiệu các hình hình học quen thuộc; Khảo sát tính chất của một số hình hình học cơ bản trong mặt phẳng; Lập luận (suy luận và chứng minh) trong hình học; Lượng giác.

(3) Thống kê và Xác suất: Các cách thu thập dữ liệu; Biểu diễn dữ liệu và giải thích dữ liệu dựa trên những đặc trưng của thống kê toán học; Giới thiệu một số yếu tố của Xác suất cổ điển; Vận dụng xác suất để giải thích và đánh giá kết luận của thống kê.

10. Khuyến nghị

Trong bối cảnh xây dựng Chương trình GDPT nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục, với các lập luận đã nêu ở trên chúng tôi xin khuyến nghị:

- Cần xem xét đổi mới mục tiêu GDPT đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền GD cũng như yêu cầu xây dựng CT, SGK GDPT sau 2015;

- Cần xây dựng Chuẩn GDPT cho từng cấp học trước khi xây dựng CT GDPT (tránh cách làm ngược là xây dựng CT, xác định nội dung, phương pháp rồi mới xây dựng Chuẩn); Chuẩn được cụ thể hóa thông qua việc tiêu chí hóa và xác định cấp độ thực hiện của 3 yêu cầu về phẩm chất, năng lực chung, năng lực chuyên biệt (thể hiện qua kĩ năng, thái độ hành động và tri thức lĩnh vực học tập/môn học);

- Khi xây dựng Chương trình GDPT, cần xây dựng Chuẩn của từng môn học (xuyên suốt theo chiều dọc từ lớp dưới lên lớp trên) và cân nhắc xây dựng chuẩn ở từng lớp học (ngang theo từng lĩnh vực, từng nhóm môn học có trong từng lớp học);

- Những đề xuất về Chuẩn GDPT cần phải có tính khả thi, hữu ích cho việc chuẩn bị xây dựng CT và SGK giáo dục phổ thông Việt Nam sau năm 2015.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020, Ban hành theo Quyết định số 711/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ngày 13 tháng 06 năm 2012.
2. Thông báo kết quả Hội nghị Trung ương 6 khóa XI, http://baodientu.chinhphu.vn/Home/Thong_bao_Hoi_nghi_Trung_uong_6_khoa_XI/
3. Đỗ Tiến Đạt, *Chuẩn giáo dục phổ thông*, Tạp chí KHGD số 71, 2012.
4. Đỗ Đình Hoan, *Một số bài học kinh nghiệm từ bốn lần thay đổi CTGDPT*, Tạp chí KHGD số 71, 8-2011.
5. Nguyễn Quang Kính, *Nhận thức lại sứ mạng và mục tiêu giáo dục là khởi đầu cốt lõi của đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục quốc dân*, Tạp chí KHGD số 77, 78/2012.
6. Trần Kiều, *Về mục tiêu môn Toán trong trường phổ thông Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo Việt Nam - Đan Mạch, 2012.

(Xem tiếp trang 14)